

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

SUY NGHĨ VỀ ĐIỀU TRA TÔN GIÁO HỌC

LÊ ĐỨC HẠNH^(*)

Khoảng 20-30 năm trở lại đây, hiện tượng “điều tra Xã hội học” đã bùng nổ trong xã hội. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các công trình nghiên cứu người ta thường thấy những cụm từ liên quan đến “khảo sát”, điều tra... Có thể nói mọi mặt của đời sống xã hội đều được khảo sát và điều tra với nhiều hình thức khác nhau. Xin không bàn thế nào là điều tra, khảo sát Xã hội học nữa mà trong bài viết này, tôi muốn đi sâu vào một khía cạnh nhỏ của loại hình điều tra Tôn giáo học ở Việt Nam hiện nay.

Là một chuyên ngành của khoa học xã hội, Tôn giáo học với đối tượng nghiên cứu đặc thù của nó có cái chung và cái riêng trong điều tra Xã hội học. Bài viết này đề cập những cái chung trong điều tra Xã hội học và cả những cái riêng, những đặc thù của điều tra Tôn giáo học.

1. Những vấn đề chung

Trong những năm qua, nhiều cuộc điều tra được gọi là điều tra Xã hội học nhưng chính người chủ trì cuộc điều tra cũng chưa thực sự nắm vững các phương pháp Xã hội học. Có nhận thức đơn giản xem điều tra Xã hội học chỉ thu vào một bảng hỏi (ăng két). Thậm chí có người còn cho rằng không cần nắm phương pháp, mà chỉ cần có ý tưởng tốt là có thể

điều tra và kết quả vẫn đúng, phương pháp là một cái gì đó không cần thiết. Thực tế cho thấy những cuộc điều tra như vậy thông tin thu được không những không đủ độ chính xác, trung thực mà còn làm sai lệch cả thực tế. Phương pháp điều tra đóng vai trò quan trọng và chủ yếu trong việc cung cấp thông tin trung thực và chính xác⁽¹⁾. Có thể nói, về phương diện lí luận, khi tiếp cận những vấn đề nào thuộc khoa học xã hội có liên quan đến điều tra Xã hội học, người ta buộc phải có hướng tiếp cận phù hợp để giải quyết những vấn đề về phương pháp và nội dung. Thông thường, trình tự logic của vấn đề là từ việc sử dụng những phương pháp hiện có để xác định những nội dung cần tìm hiểu. Nhưng một đặc thù trong nhiều đề tài nghiên cứu hiện nay là: người ta sử dụng sự tiếp cận Xã hội học để tìm hiểu về những nội dung đã được ấn định sẵn. Sự tiếp cận xã hội này được vận dụng bằng nhiều phương pháp khác nhau, cũng có thể nói là nhiều dạng khác nhau.

Về mặt thuật ngữ, khái niệm về phương pháp nghiên cứu hay dạng

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Tôn Thiện Chiếu, *Một vài vấn đề phương pháp trong điều tra Xã hội học*, trong *Chính sách xã hội, một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, Nxb KHXH, 1993, tr. 358.

ngiên cứu (Study types) thường được dùng với nhiều ý nghĩa khác nhau mà đôi khi các ý nghĩa đó bị chông chéo vào nhau. Có nhiều dạng nghiên cứu khác nhau, chẳng hạn như nghiên cứu miêu tả (described study), nghiên cứu phân tích (analytical study), nghiên cứu thực nghiệm (experimental study)... Đôi khi người ta sử dụng cụm từ “phương pháp miêu tả”, “phương pháp phân tích”... để nói đến các dạng nghiên cứu này. Trong thực tế, mỗi một đề tài nghiên cứu với những mục đích và đối tượng nghiên cứu khác nhau mà người ta sẽ quyết định những phương pháp có thể nhằm phát hiện và giải thích các vấn đề một cách có hiệu quả nhất. Rõ ràng, phương pháp tiến hành nghiên cứu là cách tiếp cận với một vấn đề nghiên cứu.

Có thể điểm qua hai trong nhiều loại hình phương pháp thường được áp dụng trong nghiên cứu những vấn đề xã hội như sau:

Về nghiên cứu mô tả: ở đây bao gồm việc thu thập một cách có hệ thống và mang tính đại diện về những dữ kiện nhằm đưa ra một bức tranh rõ nét về một tình huống nào đó, ví dụ như nghiên cứu về lễ hội tôn giáo, các nghi lễ trong Công giáo và một số tôn giáo khác. Trong vấn đề này phải có hai dạng (hay còn gọi là hai loại hình phương pháp): nghiên cứu định lượng (quantitative research) và nghiên cứu định tính (qualitative research) cùng được áp dụng để hướng tới mục tiêu của việc miêu tả, nhận diện đối tượng cần nghiên cứu.

Nghiên cứu định lượng là nhằm lượng hóa các biến số được khảo sát. Trong những trường hợp này là các biến

số có thể đo đếm được tương đối rõ ràng, ví dụ như việc đi lễ nhà thờ với tần suất hàng tuần, tháng 1 lần, hay năm 1 lần... số lượng nam giới xưng tội bao nhiêu lần trong năm, nữ giới thì số lần xưng tội ra sao...

Ở nghiên cứu định tính, yêu cầu đặt ra phải đạt tới việc phát hiện ra các biến số có quan hệ tương tác với nhau, bản chất của một sự việc hay một vấn đề nào đó. Trong nghiên cứu định tính, những vấn đề được đặt ra không phải là cố định mà đang diễn biến, việc miêu tả định tính có thể biểu diễn theo thời gian. Ví dụ, trình tự của một lễ hội tôn giáo diễn ra như thế nào trong khoảng thời gian sự kiện xảy ra. Thông thường những nghiên cứu định tính thường được tập trung vào mẫu nghiên cứu nhỏ, do vậy vẫn giữ được sự linh động của các biến số và cho phép mô tả sâu các biến số này. Người ta thường đồng ý với quan điểm cho rằng nghiên cứu định tính là các nghiên cứu khám phá, từ những mẫu nghiên cứu nhỏ để chuẩn bị cho việc triển khai ở mẫu nghiên cứu lớn, quy mô rộng hơn.

Tuy nhiên, điều dễ nhận thấy trong các cuộc điều tra trong thời gian qua cho thấy: không thể có sự tách rời giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Khi một đối tượng đã được xác định, quá trình triển khai thực hiện là quá trình lồng ghép những phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Khi người ta chỉ chú trọng tới việc thực hiện các bảng ăng kết với các câu hỏi đóng để lượng hóa các biến số thì điều đó cũng có nghĩa là không chú trọng đúng mức đến nghiên cứu định

tính và khi đó người ta sẽ gặp những khó khăn làm cho việc khắc họa rõ nét những vấn đề nghiên cứu là không dễ dàng. Mặt khác, các phân tích đó sẽ không được sáng tỏ nếu định hướng ban đầu của việc triển khai nghiên cứu không rành rọt. Việc sử dụng những nghiên cứu định tính trên một mẫu phụ chính là nhằm khắc phục những khiếm khuyết đó. Người ta tiến hành nghiên cứu định tính đòi hỏi phải tập trung vào việc phát triển các giả thuyết và đạt được sự hiểu biết sâu sắc tâm tư của đối tượng⁽²⁾.

Nghiên cứu trường hợp (case study): có thể hiểu đơn giản là nghiên cứu một hoặc nhiều trường hợp riêng nhằm mục đích chung nào đó trong một nghiên cứu Xã hội học. Một nghiên cứu trường hợp bao gồm những đặc tính sau: đó là một nghiên cứu về một hay nhiều trường hợp riêng bao hàm cả việc quan sát, thiết lập lại và phân tích những trường hợp cần được nghiên cứu. Quá trình triển khai những nghiên cứu trường hợp này thường sử dụng cả phương pháp định lượng và phương pháp định tính, trong đó kỹ thuật thu thập các dữ liệu hay còn gọi là phương pháp thu thập thông tin đặc biệt được coi trọng. Các phương pháp thu thập thông tin thường được sử dụng bao gồm việc quan sát, phỏng vấn lấy các số liệu thống kê có sẵn và quan trọng nhất là thu thập qua bảng hỏi để có thể có một số lượng thông tin có độ chính xác cao và hàm lượng thông tin phong phú, do có sự cân nhắc kỹ trong việc xây dựng các chỉ báo.

2. Điều tra Tôn giáo học

Từ năm 1991, được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ nghiên cứu về tình hình

tín ngưỡng tôn giáo trên địa bàn cả nước, Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã tiến hành nhiều cuộc điều tra Xã hội học về tôn giáo ở nhiều khía cạnh và góc độ khác nhau. Các cuộc điều tra, tùy theo từng mục tiêu cụ thể, nhằm tìm hiểu, đánh giá tình hình phát sinh, phát triển của các loại hình tín ngưỡng dân gian, các hiện tượng tôn giáo và cả những biến đổi trong đời sống sinh hoạt tôn giáo của những tôn giáo lớn như Công giáo, Phật giáo, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Islam giáo. Mục đích của rất nhiều cuộc điều tra nhằm tìm hiểu và đánh giá một cách khoa học các hiện tượng tôn giáo đang “bùng nổ” trên phạm vi cả nước. Nội dung các cuộc điều tra nhằm xác định mức độ phát triển của tín ngưỡng tôn giáo và dự đoán tương lai của các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo sau khi đất nước đi vào đổi mới. Các cuộc điều tra cũng nhằm phân tích nội hàm của tín ngưỡng, tôn giáo hay là mê tín dị đoan? Việc định vị, định lượng từng loại hình tín ngưỡng tôn giáo cũng được đặt ra trong xã hội nói chung, các tầng lớp nhân dân nói riêng thuộc về giới tính, dân tộc (Kinh, Hmông, Tày, Nùng, Chăm...), tuổi tác, nghề nghiệp, trình độ học vấn, khu vực cư trú (đồng bằng, miền núi hay trung du, nông thôn hay thành thị). Trong các điều tra, mục tiêu không chỉ xác định và phân tích về những nội dung mang đậm tính tín ngưỡng, tôn giáo mà còn phân tích, đánh giá cả về những động cơ xã hội - kinh tế hay chính trị. Bên cạnh đó, các cuộc điều tra do Viện Nghiên cứu Tôn giáo tiến

2. AED-HEALTHCOM, *Handbook for Excellence in Focus Group Research*, Mary Debus, Porter/Novelli, p. 3.

hành còn có mục tiêu xác định nhu cầu tôn giáo của nhân dân. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng chỉ ra tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân, cần thực hiện đúng đắn đường lối tự do tín ngưỡng. Vấn đề là phải xác định nhu cầu tín ngưỡng đó có nội hàm như thế nào? Nhu cầu tôn giáo của tín đồ các tôn giáo lớn như Công giáo, Phật giáo, đạo Tin Lành là gì, nội dung cụ thể như thế nào? Người tín đồ có đức tin cụ thể như thế nào? Mỗi tôn giáo có một nội dung khác nhau, cách thực hành các nghi lễ riêng, có giáo lí, giáo luật riêng, không thể đồng nhất trong một chữ THIÊN, hay đồng niềm tin, đồng đức tin. Không thể đánh đồng một chữ TÔN GIÁO cho tất cả các tín ngưỡng, tôn giáo dù ngoại nhập hay nội sinh ở trên mảnh đất có 54 dân tộc với nhiều đặc thù địa - văn hóa này. Cũng không thể đánh đồng tôn giáo và mê tín dị đoan cho dù nói theo quan điểm Mác xít thì tôn giáo là mê tín⁽³⁾... Việc xác định nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo còn tồn tại lâu dài đòi hỏi giới nghiên cứu và hoạch định chính sách cần xác định rõ nguyên nhân trực tiếp gây nên cuộc “bùng nổ” tôn giáo trong hơn 30 năm trở lại đây. Chỉ trên cơ sở nghiên cứu, mới có thể đưa ra những kiến nghị về chính sách tự do tín ngưỡng phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của quần chúng nhân dân, đồng thời thực hiện tốt công tác quản lí nhà nước về tôn giáo.

Để đạt được những mục tiêu đề ra, đòi hỏi phải lựa chọn một phương pháp thích hợp và tối ưu.

Có thể nói, điều tra Tôn giáo học thuộc phạm trù điều tra Xã hội học nhưng phần nào nặng về Tâm lí học mà lại là phần

tinh tế nhất trong tâm lí: tâm linh. Các học giả Phương Tây cho rằng cơ sở của tôn giáo nằm trong tâm thức, nơi sâu kín nhất của tâm thức con người. Đó là lĩnh vực tiềm thức khó thăm dò và khó lòng diễn đạt, càng khó lòng lượng hóa. Người ta chỉ có thể lượng hóa được các biểu hiện của niềm tin tôn giáo như cách thực hành nghi lễ chứ không lượng hóa được niềm tin tôn giáo của mỗi con người. Chính vì vậy nhiều người cho rằng điều tra tâm lí xã hội - điều tra Tôn giáo học thường phức tạp hơn vì lĩnh vực tinh thần rất trừu tượng, khó lượng hóa, khó vật chất hóa và hơn nữa, trong vấn đề nhạy cảm này, người Việt Nam thường không thích công khai tâm lí của mình. Điều tra Tôn giáo học khác với các cuộc điều tra kinh tế, dân số là những lĩnh vực tương đối dễ dàng vật chất hóa, lượng hóa, nghĩa là có thể khẳng định hay phủ định rõ rệt, có thể có số liệu toán học chính xác hay tương đối chính xác.

Vậy điều tra Tôn giáo học cần lưu ý những vấn đề gì?

Trong nhiều cuộc điều tra Xã hội học có “liên quan” tới tín ngưỡng tôn giáo, người ta thường đo lường các chỉ báo về quan hệ xã hội, về sử dụng thời gian trong hoạt động của cá nhân hay cộng đồng⁽⁴⁾, về đời sống tôn giáo chứa đựng cả những nội dung điều tra Tâm lí học mà nhiều người đã tiếp thu phát triển thành điều tra về trường văn hóa - xã hội nhằm hiểu tác động của nó đối với tâm

3. Bùi Đình Thanh, *Chính sách xã hội, một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, Nxb KHXH, 1993, tr. 326.

4. Điều tra của Francois Houtart năm 1979-1981 tại xã Hải Vân (tỉnh Nam Định) được coi là cuộc điều tra Xã hội học chuẩn, có nhiều yếu tố kinh tế, xã hội và văn hóa ít nhiều tác động tới đời sống sinh hoạt tôn giáo của người dân, bởi lẽ đây là một xã Công giáo toàn tông.

linh, tín ngưỡng. Điều này là hợp logic và mang đậm tính khoa học bởi lẽ không ai, không công trình nghiên cứu nào lại tách rời khỏi bối cảnh văn hóa - xã hội mà nó đang phát sinh và phát triển. Đối với điều tra Tôn giáo học hay Tâm lí học nói chung thì có ý kiến phân chia không gian xã hội thành 3 loại: rộng, trung bình, hẹp⁽⁵⁾. Không gian xã hội rộng là của những đối tượng đi ra khỏi làng xã đến các đô thị lớn, thậm chí đi ra nước ngoài như những người đi xuất khẩu lao động... Không gian xã hội trung bình là của những người đi đến đô thị gần như những người buôn bán nhỏ, làm nghề tự do, học sinh. Không gian xã hội hẹp là của những người chỉ quanh quẩn trong làng. Từ sự phân chia này mà người ta tính được mức độ đậm nhạt đạo khác nhau của từng nhóm đối tượng. Ví dụ, kết quả điều tra tại Hà Nội các năm 1993, 1995, 1998, 2007 cho thấy tín đồ có trường văn hóa - xã hội rộng thì đậm nhạt đạo dù là ở vùng nông thôn hay nội thị. Những tín đồ có trường văn hóa - xã hội rộng tham gia với tỉ lệ cao các lễ hội tôn giáo nhưng lại tham gia các lễ thức như rửa tội, chịu phép thánh thể thấp hơn⁽⁶⁾. Có thể nói rằng trong các cuộc điều tra Tôn giáo học, vấn đề trường văn hóa - xã hội tác động rất mạnh đến tình cảm con người. Đồng thời cũng nhận thấy tình cảm tôn giáo có lúc lặn tựa hồ như không có vấn đề đạo - đời. Đó chính là cái khó trong điều tra tôn giáo: tính chất tiềm ẩn, khi lặn, khi trội của tâm linh tôn giáo. Tuy nhiên, lợi thế của bảng điều tra tình cảm tôn giáo là đưa ra một cấu trúc tình cảm hoàn thiện thực tế đúng với tư tưởng tình cảm đối tượng điều tra. Nó chứng minh việc điều tra tình cảm tôn giáo phải đặt

trong toàn bộ tư tưởng tình cảm của đối tượng, phải chọn đúng các thành tố, đúng thời điểm⁽⁷⁾.

Những cuộc điều tra Tôn giáo học buổi ban đầu của Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã được đúc rút kinh nghiệm, phân tích các cách tiếp cận, việc sử dụng các phương pháp tiến hành... và kinh nghiệm được rút ra từ các cuộc điều tra liên quan đến Tôn giáo học là phải dùng phương pháp điều tra sâu, hay còn gọi là nghiên cứu định tính với việc thảo luận nhóm tập trung hay phỏng vấn sâu các đối tượng cần khảo sát để thấy được nguyên nhân, mức độ, động lực, mục đích của các hành vi tín ngưỡng, tôn giáo, mê tín dị đoan đang diễn ra sôi động trong xã hội. Ngay buổi đầu, đã có ý kiến khác nhau trong quan niệm điều tra sâu. Có người cho rằng muốn điều tra sâu một đối tượng phải tiếp xúc với họ một vài năm, việc phỏng vấn trong một buổi không thể coi là điều tra sâu được. Có ý kiến lại cho rằng điều tra sâu cần được hiểu theo nghĩa là phỏng vấn sâu vào một vấn đề vượt quá ranh giới, các ăng kết cổ điển chỉ nhằm thu nhập các thông tin định lượng, khi mà việc sử dụng phiếu điều tra định lượng sẽ gặp những khó khăn đối với những vấn đề được coi là đối lập với hệ tư tưởng hiện hành. Với những vấn đề này (quan niệm, cách hiểu và niềm tin vào Chúa, việc tin vào hầu đồng,

5. Bùi Đình Thanh. *Chính sách xã hội, một số vấn đề lí luận và thực tiễn*. Nxb KHXH, 1993, tr. 326.

6. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Kết quả điều tra Xã hội học đạo Công giáo tại Hà Nội 1995, 1998, 2007*, Tư liệu Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

7. Nguyễn Duy Hình. *Vài nhận thức sơ bộ về phương pháp điều tra Tôn giáo học ở Hà Nội* trong *Chính sách xã hội, một số vấn đề lí luận và thực tiễn*. Nxb KHXH, 1993, tr. 336.

bóng...) các thông tin thu được có thể có sai số lớn. Việc sai số trong quá trình điều tra có nhiều nguyên nhân, có thể do nhận thức được những vấn đề đó liên quan đến lập trường tư tưởng chính trị xã hội nên đáp án không trung thực hoặc do ảnh hưởng giáo dục của tư tưởng duy vật thuộc hệ vô thần từ người trả lời. Còn khi tiến hành điều tra sâu, ngoài việc quan sát các hiện tượng hiện hữu còn cho ta biết những điều sâu kín hơn, thuộc “bản chất” hơn của sự vật. Ví dụ, trong xã hội xuất hiện những người hành nghề bói toán cùng một lúc bói bài tây, xem tướng, xem tử vi, cúng giải sao, xem giờ... một cách “tạp hóa” thì tín chủ tìm thấy trong “cửa hàng” của họ vị thần linh mà họ tín tưởng, ưa thích như thích cầu Phật, - có tượng Phật; thích cầu Mẫu - có tượng Mẫu. Có điện thờ trên chục tượng mà bản thân chủ điện không biết tên gọi. Có người cho đó là hiện tượng đồng hóa các tín ngưỡng, có ý kiến lại cho đó là “thương mại” hóa, mê tín dị đoan... Nhưng khi tiến hành điều tra sâu, người ta thấy được điều khó thấy là: làm nhiều nghề như thế, thờ nhiều tượng như thế, kiếm được nhiều tiền hơn. Phải chăng một mặt khác do tín chủ tìm cái Thiêng mà không phân biệt cái đó thuộc dòng tín ngưỡng nào. Có nhà nghiên cứu coi dạng tâm lí đó như là một dạng tâm linh tôn giáo thực dụng, thô thiển bắt nguồn từ vô thức. Cũng nhờ điều tra sâu mà được biết một số bà (cô) đồng hoàn toàn tỉnh táo lúc lên đồng với lí do đơn giản nếu mê làm sao nhớ được các giá đồng để nhảy múa, khi mà họ phải học, mặc dù có một quy định không thành văn sau bao nhiêu năm hầu thánh mới được mở phủ trình đồng. Cũng nhờ điều tra sâu mà phân biệt được những con

đồng căn và con đồng rởm. Con đồng căn chủ yếu bắt nguồn do ốm đau thập tử nhất sinh mà trở thành đồng⁽⁸⁾. Trong điều tra Tôn giáo học có nhiều điều sẽ không thể đưa bằng ăng kết với những câu hỏi đóng, cứng nhắc, theo dạng câu hỏi có - không, hay các câu hỏi tần suất (tuần 1 lần, tháng 1 lần...). Ví dụ, hiện tượng nhiều chùa, đình, nhà thờ xứ Công giáo đang đòi đất, đòi cơ sở tôn giáo, đòi tô tượng, tổ chức lễ hội linh đình... nhìn vào phiếu ăng kết chỉ thấy số lượng đó lớn và hầu như là hiện tượng phổ biến làm cho các cơ quan hữu trách khó khăn. Nhưng khi điều tra sâu các vụ việc thì thấy động cơ kinh tế rất rõ, những người khoác áo tu hành - thường là những người mới tu hay những chú tiểu tranh “xôi oản”. Thông thường trong các chùa, các di tích như đền, phủ hiện nay hòm công đức là mục tiêu của một số người và được ngụy trang dưới nhiều hình thức khác nhau như “Hòm công đức tu bổ chùa, đền, phủ”, “Cứu trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt”... Một số hiện tượng nổi cộm trong xã hội hiện nay như tiền công đức ở chùa Hà, phủ Tây Hồ, tiền gửi xe ở các di tích như Tây Thiên, Bà Chúa Kho⁽⁹⁾... rất lớn, nhưng nhiều người cũng không rõ số tiền đó đi đâu, được chi vào những khoản gì. Nhiều cán bộ địa phương cho rằng đó không phải là mê tín dị đoan, mà gọi là tín ngưỡng. Và, những vấn đề như ngoại cảm (tia vũ trụ, trường điện từ), cứu thế (chữa bệnh), tận thế, xuất hồn, nhập hồn... quyện lại với nhau đa dạng. Tất cả những “tín ngưỡng”

8. Nguyễn Duy Hinh; Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 2/2004.

9. Thống kê năm 1996-1997 tại di tích Bà Chúa Kho riêng tiền trông giữ xe máy, ô tô khoảng 10-12 triệu đồng/ngày. Tư liệu điền dã của tác giả.

như thế đã xuất hiện trong xã hội và không thể nào ghi trên phiếu điều tra. Chỉ thông qua phỏng vấn sâu mới khám phá, bù đắp những thiếu hụt mà bảng ăng kết khó có thể làm được.

Như vậy, những vấn đề đạo - đời trực tiếp đối lập hay đụng độ với chính trị, đời sống xã hội của cộng đồng hay của bản thân những người được phỏng vấn thì đối tượng không muốn trả lời trực tiếp, cho nên các phiếu ăng kết thường thất bại hoặc chỉ thu được những thông tin hạn chế, do vậy chỉ phỏng vấn sâu mới nắm bắt được những vấn đề nhạy cảm và có tính chiều sâu như vấn đề xưng tội, quan hệ vợ chồng lương giáo, lên đồng... Cũng chỉ có phỏng vấn sâu mới có thể nhận thức được hiện tượng khá phức tạp đang tồn tại trong xã hội như tôn giáo - tín ngưỡng - mê tín - khoa học. Rõ ràng, với những hiện tượng tâm linh đa nguyên chỉ có điều tra sâu mới có kết quả tốt.

Vậy, khi tiến hành điều tra Tôn giáo học cần lưu ý những vấn đề gì?

Thứ nhất, cần phải cụ thể hóa nội dung điều tra cho từng loại đối tượng. Cần có hiểu biết chuyên sâu về từng loại hành vi tín ngưỡng mới điều tra sâu cũng như làm ăng kết được. Đối với những tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo, Islam giáo, Tin Lành giáo, những vấn đề cơ bản, then chốt trong hệ thống giáo lí, giáo luật có thể dễ dàng tìm kiếm trong những văn bản kinh sách của các tôn giáo này, nhưng còn có những vấn đề không dễ tìm như cách xưng hô, ứng xử hàng ngày trong cộng đồng mỗi tôn giáo thì cần phải học hỏi, có kinh nghiệm. Nhiều vấn đề trong điều tra Tôn giáo học

còn gặp những khó khăn trong quá trình đi sâu tìm hiểu như vấn đề mê tín dị đoan, bói toán, tướng số...

Thứ hai, vấn đề cán bộ điều tra Tôn giáo học. Điều tra Tôn giáo học khác với điều tra Xã hội học thông thường. Nếu trong các điều tra Xã hội học thông thường, khi “bộ công cụ” đã được soạn thảo kĩ lưỡng, các cán bộ trẻ ít kinh nghiệm, thậm chí cả những cán bộ có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực đó chỉ cần tập huấn 1-2 buổi là có thể tiến hành điều tra. Nhưng, với điều tra Tôn giáo học thì vấn đề không đơn giản như vậy. Với những cán bộ trẻ chưa được trang bị kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm xã hội sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình tiếp xúc với chức sắc hay tín đồ tôn giáo. Ví dụ, những kiến thức về hệ thống chức sắc trong Công giáo đòi hỏi cán bộ điều tra phải nắm rõ, hiểu được những “taboo” (kiêng kỵ) khi tiếp xúc. Không thể hỏi một linh mục rằng: “Vợ con Cha có khỏe không?”. Hoặc không thể quan niệm thông thường là “thượng tọa” thì cao hơn “hòa thượng”... Những trường hợp này đã xảy ra trong thực tế, nhưng không phải trong các đối thoại với các chức sắc tôn giáo.

Thứ ba, việc phối hợp giữa các kĩ thuật của nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính cần phải được khai thác và phát huy, tạo nên lượng thông tin vừa rộng, vừa sâu. Có như vậy, vấn đề nghiên cứu mới có được tính rộng và sâu của nó. Những thế mạnh của nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính đã được trình bày kĩ trong các bài viết khác, vấn đề này cũng được các học giả trong và ngoài nước đề cập nhiều trong các

công trình nghiên cứu, giảng dạy về phương pháp.

Thứ tư, trong mỗi cuộc điều tra Tôn giáo học nói riêng, điều tra về những vấn đề văn hóa - xã hội nói chung phải xây dựng các giả thuyết nghiên cứu. Giả thuyết là sự giả định của người nghiên cứu về thực trạng, mối liên hệ của vấn đề được nghiên cứu. Nói khác đi, giả thuyết là sự khẳng định chủ quan của người nghiên cứu. Kết quả điều tra là sự khẳng định hoặc bác bỏ các nhận định chủ quan của chúng ta. Giả thuyết được xây dựng nhờ những kiến thức lí luận sẵn có, kết quả của các cuộc điều tra trước, thực tiễn và sáng tạo của người điều tra. Để có giả thuyết nghiên cứu, rõ ràng nhà nghiên cứu cần có những hiểu biết thực tế về vấn đề nghiên cứu, cũng như các kiến thức lí luận. Ví dụ, khi tìm hiểu về niềm tin của tín đồ Công giáo người ta phải thiết lập được các chỉ báo nhằm xác định niềm tin như tin vào Chúa Ba ngôi; tin và Thiên đàng, Địa ngục, Luyện ngục; tin vào Phép Thánh thể để hiệp thông; tin vào cuộc sống sau khi con người qua đời... Còn mức độ tin như thế nào lại là một chuyện khác.

Giả thuyết là cơ sở để chúng ta biết cần phải thu những thông tin gì trong điều tra. Chính vì vậy, xây dựng giả thuyết nghiên cứu là vô cùng quan trọng. Không có những giả thuyết về hiện trạng, về nguyên nhân và mối liên hệ đầy đủ sẽ dẫn đến thừa hoặc thiếu thông tin. Việc thừa nhận giả thuyết nào đúng (chấp nhận), giả thuyết nào sai (bác bỏ) sẽ do số liệu của cuộc điều tra kiểm định, không thể dùng số liệu của cuộc điều tra khác để khẳng định giả thuyết nêu ra cho cuộc điều tra này. Giả thuyết phải

được thừa nhận hoặc bác bỏ sau cuộc điều tra. Thông thường có ba loại giả thuyết: giả thuyết mô tả, giả thuyết mối liên hệ (nguyên nhân) và giả thuyết xu hướng. Trong ba loại giả thuyết này, hai loại đầu có thể kiểm định được sự đúng hay sai của nó chính bằng số liệu của cuộc điều tra. Còn giả thuyết xu hướng phải qua một số nghiên cứu, lặp đi, lặp lại thì mới kiểm định được.

Điều tra Tôn giáo học có những đặc thù riêng. Ngoài những đặc điểm chung thuộc về nguyên tắc trong điều tra Xã hội học nói chung, thì điều tra Tôn giáo học có những đòi hỏi riêng khắt khe mà đôi khi những điều tra viên trẻ tuổi, còn ít kinh nghiệm khó có thể thực hiện được. Để có được kết quả điều tra Tôn giáo học tốt nhất, có được lượng thông tin như mong muốn và giải quyết được những mục tiêu đề ra của một cuộc điều tra Tôn giáo học, đòi hỏi người tổ chức, người chủ trì có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực định nghiên cứu, ngoài ra phải nắm vững những nguyên tắc, phương pháp điều tra Tôn giáo học. Trong thực tế, nhiều cuộc điều tra khi kết thúc, ban chủ nhiệm đề tài chuyển phần xử lí số liệu cho nhóm chuyên về toán học, mà không có những yêu cầu đặt ra cho họ. Điều đó dẫn đến nhóm toán học này thống kê và xử lí theo cách của họ, sai với yêu cầu mà mục tiêu của đề tài, dự án đặt ra. Do vậy, trong điều tra tôn giáo còn điểm chung với điều tra Xã hội học là phải lưu ý có những đòi hỏi, yêu cầu khắt khe được đặt ra trong việc xử lí số liệu. Có như vậy mới tạo được thuận lợi cho việc viết báo cáo tổng kết của đề tài, dự án mà không bỏ qua những nguồn thông tin đã thu thập./.